

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2016.F.1 (2016-2020)**

Khoa: Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Đức

Ngành: Ngôn ngữ Đức - Định hướng Tiếng Đức - Phiên dịch

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các môn học này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
<b>Tổng tín chỉ tích lũy</b>			<b>13</b>	

**CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

**Năm học 2016-2017**

Học Kỳ 1				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	8
8	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	<b>23</b>

Học Kỳ 2				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	8
12	GER4024	Tiếng Đức 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>24</b>

**Năm học 2017-2018**

Học Kỳ 3				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8
15	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8
16	GER4027	Tiếng Đức 3C	3	3
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc HK5)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>16-18</b>	<b>24-26</b>

Học Kỳ 4				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
20	GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
21	GER4030	Tiếng Đức 4C	4	4
22&23		<b>Học phần tự chọn (Khối II)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
<b>Cộng</b>			<b>12-18</b>	<b>20-26</b>

**Năm học 2018-2019**

Học Kỳ 5				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
25	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
26	GER3036	Kỹ năng nghiệp vụ Biên-Phiên dịch	3	3
27	GER3027	Lý Thuyết dịch	3	3
		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>		
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>

Học Kỳ 6				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
28	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
29	GER3029	Phiên dịch	3	3
30	GER3016	Biên dịch	3	3
31	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
32&33		<b>Học phần tự chọn ( IV.1.2)</b>		
	GER2055	Văn học Đức 1	3	
	GER2015	Đất nước học Áo- Thụy Sĩ	3	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc/và 7)</i>				
<b>Cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>

**Năm học 2019-2020**

Học Kỳ 7				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
34	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	3
35	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	3
		<b>Học phần tự chọn ( IV.1.2)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER2054	Từ vựng học tiếng Đức	3	
	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3	
	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3	
	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	
	GER2056	Văn học Đức 2	3	
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK 7)</i>				
36&37		<b>Học phần tự chọn (V.1.2.1)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER3030	Phiên dịch chuyên ngành	3	
	GER3017	Biên dịch chuyên ngành	3	
	GER3020	Công nghệ trong dịch thuật	3	
	GER3021	Dịch văn học	3	
	GER3028	Phân tích đánh giá bản dịch	3	
38		<b>Học phần tự chọn (V.1.2.2)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	GER3025	Kinh tế Đức	3	
	GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3	
	GER3042	Tiếng Đức Kinh tế	3	
	GER3039	Tiếng Đức Tài chính- Ngân hàng	3	
	GER3038	Tiếng Đức du lịch	3	
<b>Cộng</b>			<b>6-21</b>	<b>6-21</b>

Học Kỳ 8				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
39	GER4001	Thực tập	3	3
40	GER4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 học phần tự chọn trong số khối IV, V	6	6
<b>Cộng</b>			<b>9</b>	<b>9</b>

**Tổng số tín chỉ toàn khóa:**

**134**

TRƯỞNG KHOA NN&VH ĐỨC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2016.F.1 (2016-2020)**

Khoa: Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Đức

Ngành: Ngôn ngữ Đức - Định hướng Tiếng Đức - Kinh tế

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các môn học này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng bổ trợ	3	

CÁC MÔN HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	HP tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
<b>Tổng tín chỉ tích lũy</b>			<b>13</b>	

**CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

Năm học 2016-2017

Học Kỳ 1				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	GER4021	Tiếng Đức 1A	4	8
8	GER4022	Tiếng Đức 1B	4	8
9		Ngoại ngữ cơ sở 1	4	4
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	<b>23</b>

Học Kỳ 2				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	VLFI052	Nhập môn Viết ngữ học	3	3
11	GER4023	Tiếng Đức 2A	4	8
12	GER4024	Tiếng Đức 2B	4	8
13		Ngoại ngữ cơ sở 2	5	5
<b>Cộng</b>			<b>16</b>	<b>24</b>

Năm học 2017-2018

Học Kỳ 3				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	GER4025	Tiếng Đức 3A	4	8
15	GER4026	Tiếng Đức 3B	4	8
16	GER4027	Tiếng Đức 3C	3	3
17		Ngoại ngữ cơ sở 3	5	5
18		<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
	VLFI053	Tiếng Việt thực hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FLFI001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc 5)				
<b>Cộng</b>			<b>16-18</b>	<b>24-26</b>

Học Kỳ 4				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	GER4028	Tiếng Đức 4A	4	8
20	GER4029	Tiếng Đức 4B	4	8
21	GER4030	Tiếng Đức 4C	4	4
22&23		<b>Học phần tự chọn (Khối II)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thống kê cho KH.XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	GER1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
<b>Cộng</b>			<b>12-18</b>	<b>20-26</b>

Năm học 2018-2019

Học Kỳ 5				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	GER2041	Ngôn ngữ học tiếng Đức 1	3	3
25	GER2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
26	GER2039	Đất nước học Đức	3	3
27	GER3042	Tiếng Đức Kinh tế	3	3
28	INE1050	Kinh tế vi mô	3	3
<b>Học phần tự chọn (Khối III.2)</b>				
	FLFI003	Tư duy phê phán	2	
	FLFI002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	
	FLFI004	Văn hóa các nước ASEAN	2	
(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)				
<b>Cộng</b>			<b>15</b>	<b>15</b>

Học Kỳ 6				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	GER2042	Ngôn ngữ học tiếng Đức 2	3	3
30	GER3016	Biên dịch	3	3
31	GER3029	Phiên dịch	3	3
32	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	3
33&34		<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>		
	GER2055	Văn học Đức 1	3	
	GER2015	Đất nước học Áo- Thụy Sĩ	3	
(Sinh viên có thể tích lũy học phần tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 hoặc/ và 7)				
<b>Cộng</b>			<b>12</b>	<b>12</b>

Năm học 2019-2020

Học Kỳ 7				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
35	FIB2001	Tiền tệ ngân hàng	3	3
<b>Học phần tự chọn (IV.1.2)</b>				
	GER2054	Từ vựng học tiếng Đức	3	
	GER2045	Ngữ nghĩa học tiếng Đức	3	
	GER2043	Ngữ dụng học tiếng Đức	3	
	GER2038	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	
	GER2056	Văn học Đức 2	3	
36&37		<b>Học phần tự chọn (V.2.2.1)</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
	GER3043	Tiếng Đức kinh tế nâng cao	3	
	GER3025	Kinh tế Đức	3	
	BSA2004	Nhập môn Quản trị học	3	
	INE2020	Kinh tế Quốc tế	3	
	BSA2002	Nhập môn Marketing	3	
	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	
	INE2003	Kinh tế phát triển	3	
(Sinh viên đã tích lũy đủ học phần tự chọn thuộc khối (IV.1.2) ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)				
38		<b>Học phần tự chọn (V.2.2.2)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
	GER3031	Phiên dịch nâng cao	3	
	GER3018	Biên dịch nâng cao	3	
	GER3039	Tiếng Đức Tài chính - Ngân hàng	3	
	GER3038	Tiếng Đức Du lịch	3	
	GER3024	Kinh tế du lịch Đức	3	
<b>Cộng</b>			<b>3-18</b>	<b>3-18</b>

Học Kỳ 8				
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
39	GER4001	Thực tập	3	3
40	GER4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 học phần tự chọn trong số khối IV, V	6	6
<b>Cộng</b>			<b>9</b>	<b>9</b>

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

134

TRƯỞNG KHOA NN&VH ĐỨC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016  
KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG